

LESSON 2**I. NEW WORDS**

1. short	→ shorter	: thấp	→ thấp hơn
2. tall	→ taller	: cao	→ cao hơn
3. old	→ older	: già	→ già hơn
4. young	→ younger	: trẻ	→ trẻ hơn
5. small	→ smaller	: nhỏ	→ nhỏ hơn
6. big	→ bigger	: to	→ to hơn
7. fat	→ fatter	: mập	→ mập hơn
8. thin	→ thinner	: gầy	→ gầy hơn
9. slim	→ slimmer	: thon thả	→ thon thả hơn
10. strong	→ stronger	: khỏe	→ khỏe hơn